

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 244/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 9 – 2023
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Sĩ Hùng

Ông Huỳnh Minh Bền

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Đất - là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 430/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Anh T**, sinh năm 2000 (có mặt)

Địa chỉ: **số B đường P, khóm C, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.**

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Ý N**, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Nhà T, đường H, khóm H, Phường G, Thành phố C, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của ông **Trần Anh T** trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, ông và bà **Phạm Ý N** kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 17/5/2021 theo số vào sổ 36/2021. Quá trình chung sống, đến khoảng tháng 5 năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, hay cự cãi. Vợ chồng đã ly thân nhau từ giữa năm 2022 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà **N**.

Về con chung: Ông xác định không có.

Về tài sản chung: Ông xác định không có.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

Đối với bà **Phạm Ý N** đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý về nội dung yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Anh T**, nhưng đến nay bà **N** vẫn không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông **T**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà **Phạm Ý N** đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **N** theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Nội dung tranh chấp được xác định là ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của ông **T**, xét thấy, ông **T** và bà **N** đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường **E**, thành phố **C**, tỉnh **Cà Mau** vào ngày 17/5/2021 nên là hôn nhân hợp pháp. Ông **T** cho rằng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mỗi người sống một nơi đã hơn 01 năm nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Còn bà **N** không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và các tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo như trình bày của ông **T** và chấp nhận cho ông **T** ly hôn với bà **N**.

[4] Về con chung: Ông **T** xác định không có.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, ông **T** xác định không có, còn bà **N** không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và không gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về vấn đề tài sản chung, nợ chung nên chấp nhận ý kiến của ông **T**.

[6] Ông **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, **227, 228** của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông **Trần Anh T** ly hôn với bà **Phạm Ý N**.

2/ Về con chung: không có.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, ông **T** phải nộp. Ông **T** đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0000644 vào ngày 03/7/2023, được đối trừ, ông **T** đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông **T** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà **N** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Kim Oanh